2850 - HB1167

HIỆP ĐỊNH

GIỮA

CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

VÀ

CHÍNH PHỦ MALAYSIA VỀ

KHUYẾN KHÍCH VÀ BẢO HỘ ĐẦU TƯ

Chính phủ Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt nam và Chính phủ Malaysia, sau đây gọi là hai Bên ký kết ;

Với mong muốn mở rộng và tăng cường hợp tác kinh tế và công nghiệp lâu dài, tạo những điều kiện thuận lợi cho đầu tư của nhà đầu tư của Bên ký kết này tại lãnh thổ của Bên ký kết kia.

Nhận thấy sự cần thiết bảo hộ đầu tư của nhà đầu tư của hai Bên ký kết và thúc đẩy đầu tư và kinh doanh vì lợi ích kinh tế của hai Bên ký kết.

Đã thỏa thuận những điều khoản sau đây :

Điều 1

ĐỊNH NGHĨA

Với mục đích của Hiệp định này :

a) "*Đầu tư*" chỉ những tài sản, cụ thể là, nhưng không phải tất cả :

(i) Động sản, bất động sản và bất kỳ các quyền sở hữu tài sản nào khác như quyền thế chấp, cầm cố;

(ii) Phần góp vốn, vốn và phiếu ghi nợ của các công ty hay lãi từ tài sản của các công ty đó;

(iii) Quyền đối với một khoản tiền hay quyền đối với bất kỳ sự thực hiện nào có giá trị về mặt tài chính;

(iv) Quyền sở hữu trí tuệ và công nghiệp như quyền tác giả, bằng phát minh sáng chế, nhãn hiệu thương mại, tên thương mại, kiểu dáng công nghiệp,bí quyết qui trình kỹ thuật và bí quyết kỹ thuật và đặc quyền kế nghiệp;

v) Sự tô nhượng kinh doanh theo luật hoặc theo hợp đồng, bao gồm tô nhượng về thăm dò, nuôi trồng, tinh chế hoặc khai thác tài nguyên thiên nhiên.

Thuật ngữ "*đầu tư*" nói trên là :

a) Liên quan đến đầu tư trên lãnh thổ Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt nam là những dự án đầu tư được Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt nam chấp thuận trên cơ sở pháp luật hiện hành.

b) Liên quan tới đầu tư trên lãnh thổ Malaysia, tất cả các đầu tư được thực hiện trong các dự án được phân loại bởi các bộ có liên quan của Malaysia theo pháp luật và quyết định hành chính như một "*dự án được chuẩn y*".

Mọi sự thay đổi về hình thức của các tài sản đã đầu tư không ảnh hưởng đến việc phân loại chúng là đầu tư, miễn là sự thay đổi đó không trái với sự chuẩn y đã đưa ra nếu có, đối với các tài sản được đầu tư ban đầu.

(b) "*Thu nhập*" chỉ các khoản phát sinh từ đầu tư, cụ thể là, nhưng không phải tất cả, bao gồm : lợi nhuận, lãi, lãi cổ phần, lợi tức được chia, tiền bản quyền hoặc phí.

(c) Thuật ngữ "*nhà đầu tư*" có nghĩa là :

(i) Bất kỳ cá nhân nào là công dân hoặc là người thường trú tại một Bên ký kết phù hợp với pháp luật của Bên ký kết đó; hoặc

(ii) Bất kỳ công ty, hợp doanh, đơn vị ủy thác, liên doanh, tổ chức, hiệp hội hoặc xí nghiệp được thành lập một cách hợp pháp phù hợp với pháp luật hiện hành của Bên ký kết đó;

người mà thực hiện đầu tư;

(d) "*Lãnh thổ*" có nghĩa là :

(i) Liên quan tới Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt nam là toàn bộ vùng đất bao gồm cả các hải đảo, vùng biển và vùng trời thuộc nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt nam;

(ii) Liên quan tới Malaysia là toàn bộ vùng đất bao gồm cả các hải đảo, vùng biển và vùng trời thuộc liên bang Malaysia.

(e) "*Đồng tiền tự do sử dụng*" có nghĩa là đồng đôla Mỹ, bảng Anh, mark Tây đức, franc Pháp, yên Nhật hoặc bất kỳ đồng tiền nào khác mà được sử dụng rộng rãi để thanh toán trong giao dịch thương mại quốc tế và được trao đổi rộng rãi trên các thị trường tiền tệ quốc tế chính.

Điều 2

KHUYẾN KHÍCH VÀ BẢO HỘ ĐẦU TƯ

(1) Mỗi Bên ký kết Hiệp định sẽ khuyến khích và tạo những điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư của Bên ký kết kia đầu tư trên lãnh thổ của mình và sẽ chấp thuận việc đầu tư đó phù hợp với pháp luật, qui định và các quyết định hành chính của mình.

(2) Việc đầu tư của các nhà đầu tư mỗi Bên ký kết sẽ luôn luôn được hưởng sự đối đãi thỏa đáng và công bằng và được bảo đảm an toàn trên lãnh thổ Bên ký kết kia.

Điều 3

QUY ĐỊNH NƯỚC ĐƯỢC HƯỞNG QUYỀN ƯU ĐÃI NHẤT

(1) Việc đầu tư của các nhà đầu tư của mỗi Bên ký kết trên lãnh thổ Bên ký kết kia được hưởng sự đối đãi thỏa đáng và công bằng và sự đối đãi này không kém thuận lợi hơn sự đối đãi dành cho đầu tư của nhà đầu tư của bất kỳ nước thứ ba nào.

(2) Các nhà đầu tư của một Bên ký kết đầu tư trên lãnh thổ Bên ký kết kia nếu bị rỏi ro do nguyên nhân chiến tranh hoặc xung đột vũ trang, cách mạng, tình trạng khẩn cấp toàn quốc, bạo động, nổi dậy hay nổi loạn trên lãnh thổ của Bên ký kết kia sẽ được xem xét bồi thường đền bù hoặc bằng giải pháp khác không kém thuận lợi hơn mà Bên ký kết kia dành cho nhà đầu tư của bất kỳ nước thứ ba nào.

Điều 4

TRƯỜNG HỢP NGOẠI LỆ

Những qui định của Hiệp định này liên quan đến việc đưa ra sự đối xử không kém thuận lợi hơn nhà đầu tư của bất kỳ nước thứ ba nào sẽ không có nghĩa là bắt buộc một Bên ký kết phải cho nhà đầu tư Bên ký kết kia mọi ưu đãi, đặc quyền của các trường hợp sau đây :

a) Bất kỳ một sự liên minh thuế quan trong hiện tại hoặc trong tương lai về một khu vực thương mại tự do hoặc khu vực thuế quan hay một liên minh tiền tệ hoặc một Hiệp định quốc tế tương tự hoặc những hình thức hợp tác khu vực khác mà một trong các Bên ký kết là thành viên hoặc có thể trở thành thành viên; hoặc

b) Chấp nhận một Hiệp định đã được ký kết dẫn tới việc hình thành hay mở rộng một liên minh hoặc một khu vực trong khoảng thời gian thích hợp; hoặc

c) Bất kỳ một Hiệp định hoặc thỏa thuận quốc tế nào có liên quan đến toàn bộ hoặc chủ yếu tới thuế hoặc bất kỳ pháp luật trong nước nào có liên quan đến toàn bộ hoặc chủ yếu tới thuế.

Điều 5

TRƯNG DỤNG

Không một Bên ký kết nào được áp dụng bất kỳ biện pháp trưng dụng, quốc hữu hóa hoặc bất cứ sự tước quyền sở hữu nào có hậu quả tương tự như quốc hữu hóa hay trưng dụng đối với đầu tư của nhà đầu tư Bên ký kết kia trừ các điều kiện sau :

(a) Biện pháp áp dụng vì mục đích công cộng và theo thủ tục của Luật;

(b) Các biện pháp không phân biệt đối xử;

(c) Các biện pháp được kèm theo những qui định về việc trả tiền bồi thường ngay lập tức, đầy đủ và hiệu quả. Việc bồi thường như vậy phải tương xứng với giá thị trường của đầu tư ngay trước khi biện pháp trưng dụng được phổ biến rộng rãi và khoản bồi thường đó được tự do chuyển ra nước ngoài bằng các đồng tiền tự do sử dụng. Bất kỳ một sự chậm trễ phi lý trong việc trả đền bù sẽ phải chịu khoản lãi thích hợp theo tỷ giá thương mại do hai Bên thỏa thuận hoặc với tỷ giá được pháp luật qui định.

Điều 6

VIỆC CHUYỂN ĐẦU TƯ VỀ NƯỚC

(1) Mỗi Bên ký kết, trên cơ sở pháp luật và qui định của mình và thực tế quản ký cho phép chuyển ra nước ngoài không chậm trễ bằng bất kỳ đồng tiền tự do sử dụng nào các khoản sau :

(a) Lãi ròng, lãi cổ phần, tiền bản quyền, chi phí hỗ trợ kỹ thuật và phí kỹ thuật, lợi tức và các khoản thu nhập hiện tại khác phát sinh từ đầu tư của nhà đầu tư Bên ký kết kia;

(b) Số tiền thu từ toàn bộ hoặc một phần thanh lý tài sản của bất kỳ việc đầu tư nào của nhà đầu tư Bên ký kết kia;

(c) Các khoản trả tiền vay liên quan tới đầu tư; và

(d) Các khoản thu nhập của những công dân và những người thường trú của một trong các Bên ký kết được thuê và được phép làm việc liên quan tới đầu tư trên lãnh thổ Bên ký kết kia.

(2) Tỷ giá hối đoái áp dụng cho việc chuyển đổi các khoản qui định tại khoản 1 Điều này là tỷ giá hối đoái công bố vào thời điểm chuyển.

(3) Các Bên ký kết Hiệp định bảo đảm cho việc chuyển ra nước ngoài các khoản nêu ở khoản 1 của Điều này một sự đối đãi thuận lợi nhu đối đãi dành cho bất kỳ nhà đầu tư của nước thứ ba nào.

Điều 7

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP VỀ ĐẦU TƯ GIỮA MỘT BÊN KÝ KẾT VỚI NHÀ ĐẦU TƯ CỦA BÊN KÝ KẾT KIA

(1) Nếu bất kỳ tranh chấp nào phát sinh giữa một Bên ký kết với nhà đầu tư Bên ký kết kia mà bao gồm :

(i) Nghĩa vụ của Bên ký kết đó đối với những đầu tư của nhà đầu tư Bên ký kết kia, hoặc

(ii) Sự vi phạm bất kỳ quyền nào trong Hiệp định này liên quan tới đầu tư của nhà đầu tư đó.

Bên ký kết và nhà đầu tư liên quan sẽ tìm cách giải quyết tranh chấp thông qua tham khảo ý kiến và thương lượng. Bên có ý định giải quyết tranh chấp thông qua tham khảo ý kiến và thương lượng phải thông báo cho Bên kia về ý định của mình.

(2) Nếu tranh chấp không được giải quyết theo như qui định tại phần (1) Điều này trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày thông báo cho Bên kia thì Bên ký kết và nhà đầu tư liên quan sẽ đưa tranh chấp ra hòa giải theo thủ tục của Điều lệ hòa giải luật thương mại quốc tế 1980 của Ủy ban Liên hợp quốc hoặc đưa ra Trọng tài theo thủ tục của Điều lệ trọng tài luật thương mại quốc tế 1976 của Ủy ban Liên hợp quốc, được qui định như sau :

(a) Liên quan tới quá trình hòa giải sẽ có hai hòa giải viên, mỗi bên chỉ định một; và

(b) Liên quan tới quá trình trọng tài, sẽ áp dụng như sau :

(i) Tòa án trọng tài sẽ gồm 3 trọng tài viên. Mỗi bên sẽ chọn một trọng tài viên. Hai trọng tài viên này sẽ thỏa thuận cử một trọng tài viên là công dân của nước thứ ba có quan hệ ngoại giao với Chính phủ của các bên tranh chấp làm Chủ tịch. Các trọng tài viên sẽ được chỉ định trong vòng 2 tháng kể từ ngày một trong các bên tranh chấp thông báo cho bên kia ý định đưa vụ tranh chấp ra Tòa án nhưng phải sau 6 tháng theo qui định tại khoản 2 Điều này.

(ii) Phán quyết của Tòa án được đưa ra phù hợp với những điều khoản của Hiệp định này, pháp luật trong nước của bên liên quan bao gồm cả luật lệ về xung đột pháp luật trên lãnh thổ của Bên ký kết nơi tranh chấp về đầu tư phát sinh cũng như những nguyên tắc được thừa nhận chung của Luật pháp quốc tế.

(iii) Mỗi Bên của vụ tranh chấp sẽ chịu chi phí cho trọng tài viên và những người tư vấn của mình trong quá trình trọng tài. Chi phí cho Chủ tịch và những chi phí khác của Tòa án trọng tài hai bên của vụ tranh chấp cùng chịu bằng nhau.

Điều 8

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP GIỮA CÁC BÊN KÝ KẾT HIỆP ĐỊNH

(1) Các tranh chấp giữa các Bên ký kết có liên quan tới việc giải thích hoặc áp dụng Hiệp định này, nếu có thể sẽ được giải quyết bằng con đường ngoại giao.

(2) Nếu việc tranh chấp giữa các Bên ký kết không được giải quyết thì theo yêu cầu của Bên ký kết, vụ tranh chấp được đưa ra giải quyết tại một Tòa án trọng tài.

(3) Một Tòa án trọng tài như vậy sẽ được thành lập cho từng trường hợp cụ thể theo cách sau đây. Trong vòng 2 tháng kể từ khi nhận được yêu cầu phân xử tại trọng tài, mỗi Bên ký kết sẽ chỉ định một thành viên của Tòa án. Hai thành viên đó sẽ chọn một công dân của nước thứ ba, người mà theo sự chuẩn y của hai Bên ký kết sẽ được chỉ định trong vòng 2 tháng kể từ ngày chỉ định hai thành viên kia.

(4) Nếu trong thời gian nêu tại điểm 3 của Điều này mà việc chỉ định không thực hiện được thì mỗi Bên ký kết, nếu không có Hiệp định nào khác sẽ mời Chủ tịch Tòa án quốc tế để tiến hành sự chỉ định cần thiết. Nếu Chủ

tịch Tòa án quốc tế là công dân một Bên ký kết hoặc nếu ông ta vì một cản trở nào khác không thực hiện được chức năng như đã nói thì Phó Chủ tịch Tòa án quốc tế sẽ được mời để tiến hành sự chỉ định cần thiết. Nếu Phó Chủ tịch Tòa án quốc tế là công dân của một Bên ký kết hoặc nếu ông ta vì một cản trở không thực hiện được chức năng như đã nói thì thành viên cao cấp tiếp theo của Tòa án quốc tế mà nếu họ không phải là công dân của một Bên ký kết sẽ được mời để tiến hành sự chỉ định cần thiết.

(5) Tòa án trọng tài ra quyết định bằng biểu quyết theo đa số. Quyết định này sẽ bắt buộc đối với hai Bên ký kết. Mỗi Bên ký kết sẽ chịu chi phí cho các thành viên của mình trong Tòa án trọng tài và đại diện của mình trong tố tụng; chi phí cho Chủ tịch và các chi phí khác do mỗi Bên chịu bằng nhau. Tuy nhiên Tòa án có thể bằng quyết định trực tiếp về khoản chi phí cao hơn mà một trong hai Bên ký kết phải chịu và quyết định này sẽ bắt buộc đối với hai Bên ký kết. Tòa án sẽ xác định thủ tục của mình.

Điều 9

SỰ THẾ QUYỀN

Nếu Bên ký kết này hoặc cơ quan được ủy quyền thanh toán bất cứ khoản nào cho nhà đầu tư của mình theo một bảo đảm liên quan tới đầu tư, thì Bên ký kết kia với tư cách là bên cho thế quyền sẽ công nhận sự ủy quyền của mình về bất cứ quyền hoặc danh nghĩa nào cho Bên ký kết này hoặc cơ quan được ủy quyền trong việc bồi thường cho nhà đầu tư đó và công nhận sự thay thế của Bên ký kết này hoặc cơ quan được ủy quyền về bất cứ quyền hoặc danh nghĩa nào mà không làm tổn hại đến quyền của Bên ký kết này hoặc cơ quan được ủy quyền theo qui định tại Điều 7.

Điều 10

VIỆC ÁP DỤNG CHO ĐẦU TƯ

Hiệp định này áp dụng cho các đầu tư của các nhà đầu tư Bên ký kết này thực hiện trên lãnh thổ Bên ký kết kia, phù hợp với pháp luật hoặc qui định của Bên ký kết đó kể từ ngày 1/1/1988.

Điều 11

HIỆU LỰC, THỜI HẠN VÀ CHẤM DỨT HIỆP ĐỊNH

(1) Hiệp định này có hiệu lực sau 30 ngày kể từ ngày mà Chính phủ của các Bên ký kết thông báo cho nhau là đã hoàn thành các thủ tục bảo đảm cho Hiệp định có hiệu lực.

(2) Hiệp định này có hiệu lực trong thời hạn là 10 năm và sẽ tiếp tục có hiệu lực, trừ khi được chấm dứt theo qui định tại khoản 3 của Điều này.

(3) Mỗi Bên ký kết có thể thông báo bằng văn bản cho Bên kia về sự chấm dứt Hiệp định trong 1 năm trước năm thứ 10 hoặc bất kỳ thời gian nào sau đó.

(4) Đối với việc đầu tư tiến hành trước ngày Hiệp định này hết hiệu lực thì những qui định trong tất cả các Điều của Hiệp định này vẫn tiếp tục có hiệu lực trong thời hạn là 10 năm kể từ ngày hết hiệu lực.

Đại diện của hai Chính phủ chứng thực việc ký Hiệp định này.

Hiệp định này được lập thành hai bản tại Kuala Lumpur ngày 21/1/1992 bằng tiếng Bahasa Malaysia, tiếng Việt và tiếng Anh. Cả hai bản có giá trị như nhau. Trong trường hợp có sự khác nhau, thì căn cứ vào tiếng Anh.

THAY MẶT CHÍNH PHỦ	THAY MẶT CHÍNH PHỦ
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA	MALAYSIA
VIỆT NAM	

AGREEMENT

BETWEEN

THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

AND

THE GOVERNMENT OF MALAYSIA

FOR THE PROMOTION AND PROTECTION OF INVESTMENTS

The Government of the Socialist Republic of Vietnam and the Government of Malaysia, hereinafter referred to as "Contracting Parties";

Desiring to expand and deepen economic and industrial cooperation on a long term basis, and in particular, to create favourable conditions for investments by investors of one Contracting Party in the territory of the other Contracting Party;

Recognising the need to protect investment by investors of both Contracting Parties and to stimulate the flow of investments and individual business initiative with a view to the economic prosperity of both Contracting Parties;

Have agreed as follows:-

..2/-

ARTICLE 1

Definitions

(1) For the purpose of this Agreement:

(a) "investment" means every kind of asset and in particular, though not exclusively, includes:

(i) movable and immovable property and any other property rights such as mortgages, liens and pledges;

(ii) shares, stocks and debentures of companies or interests in the property of such companies;

(iii) a claim to money or a claim to any performance having financial value;

(iv) intellectual and industrial property rights, including rights with respect to copyrights, patents, trademarks, trade names, industrial designs, trade secrets, technical processes and know-how and goodwill;

(v) business concessions conferred by law or under contract, including concessions to search for, cultivate, extract, or exploit natural resources;

The said term "investments" shall refer:

a) with respect of investments in the territory of the Socialist Republic of Vietnam, all the investment projects which are approved by the

..3/-

Government of the Socialist Republic of Vietnam on the basis of the current legislation; and

b) with respect to investments in the territory of Malaysia, to all investments made in projects classified by the appropriate Ministry of Malaysia in accordance with its legislation and administrative practice as an "approved project".

Any alteration of the form in which assets are invested shall not affect their classification as investments, provided that such alteration is not contrary to the approval, if any, granted in respect of the assets originally invested.

(b) "returns" mean the amount yielded by an investment and in particular, though not exclusively, includes profit, interest, capital gains, dividends, royalties or fees.

(c) the term "investor" means:-

(i) any natural person possessing the citizenship of or permanently residing in a Contracting Party in accordance with its laws; or

(ii) any corporation, partnership, trust, joint-venture, organisation, association or enterprise incorporated or duly constituted in accordance with applicable laws of that Contracting Party;

who makes the investment;

(d) "territory" means:-

(i) with respect to the Socialist Republic of Vietnam, all land territory (including islands), territorial sea and airspace above, belonging to the Socialist Republic of Vietnam;

(ii) with respect to Malaysia, all land territory (including islands), the territorial sea and airspace above, belonging to the Federation of Malaysia.

(e) "freely usable currency" means the United States Dollar, Pound Sterling, Deutschemark, French Franc, Japanese Yen or any other currency that is widely used to make payments for international transactions and widely traded in the international principal exchange markets.

ARTICLE 2

Promotion and Protection of Investment

(1) Each Contracting Party shall encourage and create favourable conditions for investors of the other Contracting Party to invest in its territory and subject to its rights to exercise powers conferred by its laws, regulations and administrative practices, shall admit such investments.

(2) Investments of investors of either Contracting Party shall at all times be accorded fair and equitable treatment and shall enjoy full protection and security in the territory of the other Contracting Party.

..5/-

ARTICLE 3
Most-Favoured-Nation Provisions

(1) Investments made by investors of either Contracting Party in the territory of the other Contracting Party shall receive treatment which is fair and equitable, and not less favourable than that accorded to investments made by investors of any third State.

(2) Investors of one Contracting Party whose investments in the territory of the other Contracting Party suffer losses owing to war or other armed conflict, revolution, a state of national emergency, revolt, insurrection or riot in the territory of the latter Contracting Party shall be accorded by the latter Contracting Party treatment, as regards restitution, indemnification, compensation or other settlement, no less favourable than that which the latter Contracting Party accords to investors of any third State.

ARTICLE 4
Exceptions

The provisions of this Agreement relative to the granting of treatment not less favourable than that accorded to the investors of any third State shall not be construed so as to oblige one Contracting Party to extend to the investors of the other the benefit of any treatment, preference or priviledge resulting from:

(a) any existing or future customs union or free trade area or a common external tariff area or a monetary union or similar international agreement or other forms of regional cooperation to which either of the Contracting Parties is or may become a party; or

(b) the adoption of an agreement designed to lead to the formation or extension of such a union or area within a reasonable length of time; or

(c) any international agreement or arrangement relating wholly or mainly to taxation or any domestic legislation relating wholly or mainly to taxation.

ARTICLE 5

Expropriation

Neither Contracting Party shall take any measures of expropriation, nationalization or any dispossession, having effect equivalent to nationalization or expropriation against the investment of investors of the other Contracting Party except under the following conditions:

(a) the measures are taken for a public purpose and under due process of law;

(b) the measures are non-discriminatory;

(c) the measures are accompanied by provisions for the payment of prompt, adequate and effective compensation. Such compensation shall amount to the market value of the investments affected immediately before the measure of dispossession became public knowledge, and it shall be freely transferable in freely usable currencies from the Contracting Party. Any unreasonable delay in payment of compensation shall carry an appropriate interest at commercially reasonable rate as agreed upon by both parties or at such rate as prescribed by law.

..7/-

ARTICLE 6

Repatriation of Investment

(1) Each Contracting Party shall, subject to its laws, regulations and administrative practices allow without unreasonable delay the transfer in any freely usable currency:-

(a) the net profits, dividends, royalties, technical assistance and technical fees, interest and other current income, accruing from any investment of the investors of the other Contracting Party;

(b) the proceeds from the total or partial liquidation of any investment made by investors of the other Contracting Party;

(c) funds in repayment of loans related to an investment; and

(d) the earnings of citizens and permanent residents of the other Contracting Party who are employed and allowed to work in connection with an investment in the territory of the other Contracting Party.

(2) The exchange rates applicable to such transfer in paragraph (1) of this Article shall be the rate of exchange prevailing at the time of remittance.

(3) The Contracting Parties undertake to accord to the transfers referred to in paragraph (1) of this Article a treatment as favourable as that accorded to transfers originating from investments made by investors of any third State.

..8/-

ARTICLE 7

Settlement Of Investment Disputes Between A Contracting Party And An Investor Of The Other Contracting Party

(1) If any dispute arising between a Contracting Party and an investor of the other Contracting Party which involves:

(i) an obligation entered into by that Contracting Party with the investor of the other Contracting Party regarding an investment by such investor; or

(ii) an alleged breach of any right conferred or created by this Agreement with respect to an investment by such investor;

the Contracting Party and the investor concerned shall seek to resolve the dispute through consultation and negotiation. The party intending to resolve such dispute through consultation and negotiation shall give notice to the other of its intention.

(2) If the dispute cannot be thus resolved as provided in paragraph (1) of this Article within 6 months from the date of the notice given thereunder, then the Contracting Party and the investor concerned shall refer the dispute to either conciliation in accordance with the United Nations Commission on International Trade Law Rules of Conciliation 1980 or to arbitration in accordance with the United Nations Commission on International Trade Law Rules on Arbitration, 1976 subject to the following provisions:

(a) in respect of conciliation proceedings, there shall be two conciliators, one each appointed by the respective parties; and

(b) in respect of arbitration proceedings, the following shall apply:

(i) The Arbitral Tribunal shall consist of three arbitrators. Each party shall select an arbitrator. These two arbitrators shall appoint by mutual agreement a Chairman who shall be a national of a third State which has diplomatic relations with the Governments of the parties to the dispute. The arbitrators shall be appointed within two months from the date when one of the parties to the dispute inform the other of its intention to submit the dispute to arbitration after the lapse of the six months mentioned in paragraph (2) of this Article.

(ii) The Arbitral Award shall be made in accordance with the provisions of this Agreement, the relevant domestic laws including the rules on the conflict of laws of the territory of the Contracting Party in which the investment dispute arises as well as the generally recognised principles of international law.

(iii) Each party to the dispute shall bear the cost of its own arbitrator and of its counsel in the arbitration proceedings. The cost of the Chairman and the remaining costs of the Arbitral Tribunal shall be borne in equal parts by both parties to the dispute.

ARTICLE 8

Settlement of Disputes Between The Contracting Parties

(1) Disputes between the Contracting Parties concerning the interpretation or application of this Agreement should, if possible be settled through diplomatic channels.

(2) If a dispute between the Contracting Parties cannot thus be settled, it shall, upon the request of either Contracting Party, be submitted to an arbitral tribunal.

(3) Such an arbitral tribunal shall be constituted for each individual case in the following way. Within two months of the receipt of the request for arbitration, each Contracting Party shall appoint one member of the tribunal. Those two members shall then select a national of a third State who on approval by the two Contracting Parties shall be appointed Chairman of the tribunal. The Chairman shall be appointed within two months from the date of appointment of the other two members.

(4) If within the periods specified in paragraph (3) of this Article the necessary appointments have not been made, either Contracting Party may, in the absence of any other agreement, invite the President of the International Court of Justice to make any necessary appointments. If the President is a national of either Contracting Party or if he is otherwise prevented from discharging the said function, the Vice-President shall be invited to make the necessary appointments. If the Vice-President is a national of either Contracting Party

..11/-

or if he too, is prevented from discharging the said function the members of the International Court of Justice next in seniority who is not a national of either Contracting Party shall be invited to make the necessary appointments.

(5) The arbitral tribunal shall reach its decisions by a majority of votes. Such decision shall be binding on both Contracting Parties. Each Contracting Party shall bear the cost of its own member of the tribunal and of its representation in the arbitral proceedings; the cost of the Chairman and the remaining costs shall be borne in equal parts by the Contracting Parties. The tribunal may, however, in its decision direct that a higher proportion of costs be borne by one of the two Contracting Parties, and this award shall be binding on both Contracting Parties. The tribunal shall determine its own procedure.

ARTICLE 9

Subrogation

If a Contracting Party or its designated agency makes a payment to any of its investors under a guarantee it has granted in respect to an investment, the other Contracting Party shall, without prejudice to the rights of the former Contracting Party or its designated agency under Article 7, in its capacity as a subrogated party, recognise the transfer of any right of title of such investor to the former Contracting Party or its designated agency and the subrogation of the former Contracting Party or its designated agency to any right or title.

ARTICLE 10

Application to Investment

This Agreement shall apply to investments made with effect from January 1st 1988 in the territory of either Contracting Party in accordance with its legislation, rules or regulations by investors of the other Contracting Party.

ARTICLE 11

Entry Into Force, Duration and Termination

(1) This Agreement shall enter into force thirty (30) days after the date on which the Governments of the Contracting Parties have notified each other that their constitutional requirements for the entry into force of this Agreement have been fulfilled.

(2) This Agreement shall remain in force for a period of ten (10) years, and shall continue in force, unless terminated in accordance with paragraph (3) of this Article.

(3) Either Contracting Party may by giving one (1) year's written notice to the other Contracting Party, terminate this Agreement at the end of the initial ten (10) years period or anytime thereafter.

(4) With respect to investments made or acquired prior to the date of termination of this Agreement, the

..13/-

provisions of all of the other Articles of this Agreement shall continue to be effective for a period of ten (10) years from such date of termination.

IN WITNESS WHEREOF, the undersigned, duly authorised thereto by their respective Governments, have signed this Agreeement.

Done in duplicate at Kuala Lumpur, Malaysia this twenty-first day of January 1992 in the Vietnamese, Bahasa Malaysia and English Languages, all texts being equally authentic. In the case of divergence between the texts of this Agreement, the English text shall prevail.

FOR THE GOVERNMENT OF
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

.....

FOR THE GOVERNMENT OF
MALAYSIA

.....

PERJANJIAN

DI ANTARA

KERAJAAN REPUBLIK SOSIALIS VIETNAM

DENGAN

KERAJAAN MALAYSIA

BAGI PENGGALAKAN DAN PERLINDUNGAN PELABURAN

Kerajaan Republik Sosialis Vietnam dan Kerajaan Malaysia, kemudian daripada ini disebut "Pihak-Pihak Pejanji";

Berhasrat untuk mengembangkan dan mendalamkan kerjasama ekonomi dan perindustrian atas dasar jangka panjang dan khususnya, untuk mewujudkan keadaan yang baik bagi pelaburan-pelaburan oleh pelabur-pelabur satu Pihak Pejanji dalam wilayah Pihak Pejanji yang satu lagi;

Menyedari keperluan untuk melindungi pelaburan-pelaburan yang dibuat oleh pelabur-pelabur kedua-dua Pihak Pejanji dan untuk menggalakkan aliran pelaburan dan inisiatif perniagaan individu dengan tujuan untuk mengembangkan ekonomi kedua-dua Pihak Pejanji;

Telah bersetuju seperti yang berikut:-

PERKARA 1
Takrif

(1) Bagi maksud Perjanjian ini:

(a) "pelaburan" ertinya tiap-tiap jenis aset dan khususnya, walaupun tidak secara ekslusif, termasuklah :

(i) harta alih dan tak alih dan apa-apa hak lain mengenai harta seperti gadai-janji, lien dan sandaran;

(ii) syer, saham dan debentur syarikat atau kepentingan dalam harta syarikat itu;

(iii) tuntutan terhadap wang atau tuntutan terhadap apa-apa pelaksanaan yang mempunyai nilai kewangan;

(iv) hak-hak harta intelek dan perindustrian, termasuk hak-hak berkenaan dengan hakcipta,

paten, tanda niaga, nama perdagangan, rekabentuk perindustrian, perniagaan, rahsia dagangan, proses teknik dan kepakaran dan muhibah;

(v) konsesi perniagaan yang diberikan oleh undang-undang atau di bawah kontrak, termasuk konsesi untuk mencari, mengusahakan, mengeluarkan atau mengeksploit sumber-sumber alam;

Istilah "pelaburan" yang tersebut hendaklah merujuk:

(a) berkenaan dengan pelaburan dalam wilayah Republik Sosialis Vietnam, semua projek pelaburan yang diluluskan oleh Kerajaan Sosialis Republik Vietnam berdasarkan perundangan semasa; dan

(a) berkenaan dengan pelaburan dalam wilayah Malaysia, kepada semua pelaburan yang dibuat dalam projek-projek yang diklasifikasikan oleh Kementerian yang berkenaan di Malaysia mengikut perundangan dan amalan pentadbirannya sebagai suatu "projek yang diluluskan"; dan

Apa-apa perubahan tentang bentuk aset-aset yang dilaburkan tidaklah menyentuh klasifikasinya sebagai pelaburan, dengan syarat bahawa perubahan itu tidak bertentangan dengan kelulusan, jika ada, yang telah diberikan berkenaan dengan aset yang dilaburkan pada asalnya.

(b) "hasil" ertinya amaun yang diperolehi daripada pelaburan dan khususnya, walaupun tidak secara eksklusif, termasuklah keuntungan, faedah, laba modal, dividen, royalti atau fee.

(c) istilah "pelabur" ertinya:-

(i) mana-mana orang sebenar yang memiliki kewarganegaraan atau yang bermastautin secara tetap dalam satu Pihak Pejanji mengikut undang-undangnya; atau

(ii) mana-mana perbadanan, perkongsian, amanah, usahasama, organisasi, persatuan atau usaha pengusahaan yang diperbadankan atau ditubuhkan dengan sewajarnya mengikut undang-undang yang terpakai bagi Pihak Pejanji itu,

yang membuat pelaburan itu;

(d) "wilayah" ertinya:-

(i) berkenaan dengan Republik Sosialis Vietnam, semua wilayah darat (termasuk pulau-pulau), wilayah laut dan ruang udara di atas, yang menjadi milik Republik Sosialis Vietnam;

(ii) berkenaan dengan Malaysia, semua wilayah darat (termasuk pulau-pulau), wilayah laut ruang udara di atas, yang menjadi milik Persekutuan Malaysia.

(e) "matawang yang boleh digunakan secara bebas" ertinya Dolar Amerika Syarikat, Pound Sterling, Deutschmark, Franc Peranchis, Yen Jepun atau matawang lain yang digunakan secara meluas untuk membuat pembayaran bagi transaksi antarabangsa dan yang diniagakan secara meluas dalam pasaran-pasaran pertukaran utama antarabangsa.

PERKARA 2

Galakan dan Perlindungan Pelaburan

(1) Tiap-tiap Pihak Pejanji hendaklah menggalakkan dan mewujudkan keadaan yang baik bagi pelabur-pelabur Pihak Pejanji yang satu lagi untuk melabur dalam wilayahnya dan tertakluk kepada hak-haknya untuk menjalankan kuasa-kuasa yang diberikan oleh

undang-undang, peraturan-peraturan dan amalan-amalan pentadbirannya hendaklah menerima masuk pelaburan-pelaburan itu.

(2) Pelaburan pelabur-pelabur salah satu Pihak Pejanji hendaklah pada setiap masa diberi layanan yang adil dan saksama dan hendaklah menikmati perlindungan dan jaminan penuh dalam wilayah Pihak Pejanji yang satu lagi.

PERKARA 3

Peruntukan-peruntukan Negara Diutamakan

(1) Pelaburan yang dibuat oleh pelabur-pelabur salah satu Pihak Pejanji dalam wilayah Pihak Pejanji yang satu lagi itu hendaklah menerima layanan yang adil dan saksama, dan yang tidak kurang baiknya daripada layanan yang diberikan kepada pelaburan yang dibuat oleh pelabur-pelabur mana-mana Negara ketiga.

(2) Pelabur-pelabur satu Pihak Pejanji yang pelaburan-pelaburannya dalam wilayah Pihak Pejanji yang satu lagi mengalami kerugian disebabkan peperangan atau konflik bersenjata yang lain, revolusi, keadaan darurat negara, pemberontakan,

penderhakaan atau rusuhan dalam wilayah Pihak Pejanji yang terkemudian disebut itu hendaklah diberi oleh Pihak Pejanji yang terkemudian disebut itu layanan, berkenaan dengan restitusi, penanggungan rugi, pampasan atau penyelesaian

lain, yang tidak kurang baiknya daripada layanan yang diberikan oleh Pihak Pejanji terkemudian itu kepada pelabur-pelabur mana-mana Negara ketiga.

PERKARA 4

Kekecualian

Peruntukan-peruntukan Perjanjian ini yang berhubung dengan pemberian layanan yang tidak kurang baiknya daripada layanan yang diberikan kepada pelabur-pelabur mana-mana Negara ketiga tidak boleh ditafsirkan sebagai mewajibkan satu Pihak Pejanji untuk memberi pelabur-pelabur Pihak Pejanji yang satu lagi faedah apa-apa layanan, keutamaan atau keistimewaan hasil daripada:

(a) apa-apa kesatuan kastam atau kawasan perdagangan bebas atau kawasan tarif luar bersama atau kesatuan kewangan atau perjanjian antarabangsa yang serupa atau

bentuk-bentuk lain kerjasama serantau yang sedia ada atau yang akan ada yang salah satu Pihak Pejanji itu adalah atau boleh menjadi suatu pihak kepadanya; atau

(b) penerimapakaian sesuatu perjanjian yang direka bentuk untuk membawa kepada penubuhan atau perluasan kesatuan atau kawasan tersebut dalam jangka masa yang munasabah; atau

(c) apa-apa perjanjian atau perkiraan antarabangsa yang berhubungan, secara keseluruhannya atau sebahagian besarnya, dengan percukaian atau apa-apa perundangang dalam negeri yang berhubungan, secara keseluruhannya atau sebahagian besarnya, dengan percukaian.

PERKARA 5

Ekspropriasi

Tiada satu pun Pihak Pejanji boleh mengambil apa-apa langkah ekspropriasi, pemiliknegaraan atau apa-apa penyingkiran milik, yang mempunyai kesan yang sama dengan pemiliknegaraan atau eksproprisasi terhadap pelaburan

pelabur-pelabur Pihak Pejanji yang satu lagi kecuali di bawah syarat-syarat yang berikut:

(a) langkah-langkah itu diambil bagi maksud awam dan di bawah proses undang-undang yang wajar;

(b) langkah-langkah itu tidak berdiskriminasi;

(c) langkah-langkah itu disertai dengan peruntukan-peruntukan untuk membayar pampasan yang segera, mencukupi dan berkesan. Pampasan itu hendaklah sama dengan nilai pasaran pelaburan yang terlibat sebelum sahaja langkah penyingkiran milik itu diketahui oleh orang ramai dan ia hendaklah boleh dipindahkan secara bebas dalam matawang yang boleh digunakan dari Pihak Pejanji. Apa-apa kelengahan tak berpatutuan dalam pembayaran pampasan hendaklah dikenakan faedah yang sesuai mengikut kadar munasabah komersil sebagaimana yang dipersetujui oleh kedua-dua pihak atau mengikut apa-apa kadar yang ditetapkan oleh undang-undang.

PERKARA 6

Repatriasi Pelaburan

(1) Setiap satu Pihak Pejanji hendaklah, tertakluk kepada undang-undang, peraturan-peraturan dan amalan-amalan pentadbirannya membenarkan, tanpa kelengahan tak munasabah, pemindahan ke dalam mana-mana matawang yang boleh digunakan secara bebas:-

(a) keuntungan bersih, dividen, royalti, bantuan teknik dan fee teknik, faedah atau pendapatan-pendapatan semasa lain yang terakru daripada apa-apa pelaburan pelabur-pelabur Pihak Pejanji yang satu lagi;

(b) hasil pelikuidasian kesemua atau sebahagian daripada apa-apa pelaburan yang dibuat oleh pelabur-pelabur Pihak Pejanji yang satu lagi;

(c) wang sebagai bayaran balik pinjaman yang berhubungan dengan pelaburan; dan

(d) pendapatan warganegara dan pemastautin tetap Pihak Pejanji yang satu lagi yang diambil kerja dan dibenarkan

bekerja berkaitan dengan sesuatu pelaburan dalam wilayah Pihak Pejanji yang satu lagi.

(2) Kadar pertukaran yang terpakai bagi pemindahan dalam perenggan (1) Perkara ini hendaklah kadar pertukaran yang terpakai semasa membuat remitan.

(3) Pihak-Pihak Pejanji mengakujanji untuk memberikan layanan berkenaan dengan pemindahan yang tersebut dalam Perenggan (1) Perkara ini yang sama baiknya seperti layanan yang diberikan berkenaan dengan pemindahan yang bermula dari pelaburan yang dibuat oleh pelabur-pelabur mana-mana Negara ketiga.

PERKARA 7

Penyelesaian Pertikaian Pelaburan di Antara Suatu Pihak Pejanji dengan Suatu Pelabur Pihak Pejanji yang Satu Lagi

(1) Jika apa-apa pertikaian timbul di antara suatu Pihak Pejanji dengan pelabur Pihak Pejanji yang satu lagi yang melibatkan:

(i) sesuatu obligasi yang dibuat oleh Pihak Pejanji itu dengan pelabur Pihak Pejanji yang satu lagi mengenai sesuatu pelaburan oleh pelabur itu; atau

(ii) sesuatu pelanggaran yang dikatakan akan apa-apa hak yang diberikan atau diwujudkan oleh Perjanjian ini berkenaan dengan sesuatu pelaburan oleh pelabur itu;

Pihak Pejanji dan pelabur yang berkenaan hendaklah berusaha untuk menyelesaikan pertikaian itu melalui perundingan dan urusbicara Pihak yang bercadang untuk menyelesaikan pertikaian itu melalui perundingan dan urusbicara hendaklah memberikan notis kepada yang satu lagi tentang niatnya itu.

(2) Jika pertikaian itu tidak boleh diselesaikan sedemikian seperti yuang diperuntukkan dalam perenggan (1) Perkara ini dalam tempoh 6 bulan dari tarikh notis yang diberikan di bawah perenggan itu, maka Pihak Pejanji dan pelabur yang berkenaan itu hendaklah merujukkan pertikaian itu kepada sama ada pendamaian mengikut Kaedah-Kaedah Pendamaian Suruhanjaya Bangsa-Bangsa Bersatu

mengenai Undang-Undang Perdagangan Antarabangsa 1980 atau kepada timbangtara mengikut Kaedah-Kaedah mengenai Timbangtara Suruhanjaya Bangsa-Bangsa Bersatu mengenai Undang-Undang Perdagangan Antarabangsa 1976 tertakluk kepada peruntukan-peruntukan yang berikut:

(a) berkenaan dengan prosiding pendamaian, maka hendaklah ada dua orang pendamai, yang masing-masingnya dilantik oleh pihak-pihak yang berkenaan; dan

(b) berkenaan dengan prosiding timbangtara, yang berikut hendaklah terpakai:

(i) Tribunal timbangtara hendaklah terdiri daripada tiga orang penimbangtara. Setiap pihak hendaklah memilih seorang penimbangtara. Kedua-dua penimbangtara ini hendaklah melantik dengan persetujuan bersama seorang Pengerusi yang hendaklah rakyat suatu Negara ketiga yang mempunyai hubungan diplomatik dengan Kerajaan-

Kerajaan pihak-pihak kepada pertikaian itu. Penimbangtara-penimbangtara itu hendaklah dilantik dalam tempoh dua bulan dari tarikh satu daripada pihak-pihak kepada pertikaian itu memberitahu pihak yang satu lagi mengenai niatnya untuk mengemukakan pertikaian itu kepada timbangtara selepas luput tempoh enam bulan yang tersebut dalam perenggan (2) Perkara ini.

(ii) Award Timbangtara hendaklah dibuat mengikut peruntukan-peruntukan Perjanjian ini, undang-undang domestik yang relevan termasuk kaedah-kaedah mengenai percanggahan undang-undang di wilayah Pihak Pejanji tempat pertikaian pelaburan itu timbul dan juga prinsip-prinsip undang-undang antarabangsa yang diiktiraf pada amnya.

(iii) Setiap pihak kepada pertikaian itu hendaklah menanggung kos penimbangtaranya sendiri dan peguamnya dalam prosiding timbangtara itu. Kos Pengerusi dan baki kos Tribunal Timbangtara hendaklah ditanggung sama banyaknya oleh kedua-dua pihak kepada pertikaian itu.

PERKARA 8

Penyelesaian Pertikaian di Antara Pihak-Pihak Pejanji

(1) Pertikaian di antara Pihak-Pihak Pejanji mengenai tafsiran atau pemakaian Perjanjian ini hendaklah, jika boleh, diselesaikan melalui saluran diplomatik.

(2) Jika suatu pertikaian di antara Pihak-Pihak Pejanji tidak dapat diselesaikan sedemikian, maka, atas permintaan salah satu Pihak Pejanji, pertikaian itu hendaklah dikemukakan kepada suatu tribunal timbangtara.

(3) Tribunal timbangtara itu hendaklah ditubuhkan bagi setiap kes individu mengikut cara yang berikut.

Dalam tempoh dua bulan selepas permintaan untuk timbangtara diterima, setiap Pihak Pejanji hendaklah melantik seorang anggota tribunal. Kedua-dua anggota itu hendaklah pula memilih seorang rakyat suatu Negara ketiga yang setelah diluluskan oleh kedua-dua Pihak Pejanji hendaklah dilantik menjadi Pengerusi tribunal. Pengerusi itu hendaklah dilantik dalam tempoh dua bulan dari tarikh perlantikan dua orang anggota lain itu.

(4) Jika perlantikan yang perlu telah tidak dibuat dalam tempoh yang dinyatakan dalam perenggan (3) Perkara ini, maka salah satu Pihak Pejanji boleh, jika tidak ada apa-apa perjanjian lain, mengundang Yang Dipertua Mahkamah Keadilan Antarabangsa untuk membuat apa-apa perlantikan yang perlu. Jika Yang Dipertua itu ialah rakyat salah satu Pihak Pejanji atau jika dia selainnya tidak dapat melaksanakan fungsi tersebut, Naib Yang Dipertua Mahkamah itu hendaklah diundang untuk membuat apa-apa perlantikan yang perlu. Jika Naib Yang Dipertua itu ialah rakyat salah satu Pihak Pejanji atau jika dia juga tidak dapat melaksanakan fungsi tersebut, anggota-anggota Mahkamah Keadilan Antarabangsa yang terkanan selepasnya yang bukan rakyat salah satu Pihak Pejanji hendaklah diundang untuk membuat perlantikan yang perlu.

5. Tribunal timbangtara hendaklah mencapai keputusannya mengikut undi lebih suara. Keputusan itu hendaklah mengikat kedua-dua Pihak Pejanji. Setiap Pihak Pejanji hendaklah menanggung kos anggotanya sendiri dalam tribunal dan kos perwakilannya dalam prosiding timbangtara; kos Pengerusi dan baki kos hendaklah ditanggung sama banyaknya oleh Pihak-Pihak Pejanji. Bagaimanapun, Tribunal boleh dalam keputusannya mengarahkan supaya suatu bahagian kos yang lebih tinggi ditanggung oleh salah satu daripada dua Pihak Pejanji itu, dan award ini hendaklah mengikat kedua-dua Pihak Pejanji. Tribunal hendaklah menentukan prosedurnya sendiri.

PERKARA 9

Subrogasi

Jika suatu Pihak Pejanji atau agensinya yang ditetapkan membuat pembayaran kepada mana-mana pelaburnya di bawah suatu gerenti yang diberikan olehnya berkenaan dengan suatu pelaburan, maka Pihak Pejanji yang satu lagi itu hendaklah, tanpa menjejaskan hak-hak Pihak Pejanji yang terdahulu disebut atau agensinya yang ditetapkan di bawah Perkara 7, atas sifatnya sebagai suatu pihak subrogasi, mengiktiraf pemindahan apa-apa

hak atau hakmilik pelabur itu kepada Pihak Pejanji yang terdahulu disebut atau agensinya yang ditetapkan dan subrogasi Pihak Pejanji yang terdahulu disebut itu atau agensinya yang ditetapkan kepada apa-apa hak atau hakmilik.

PERKARA 10

Pemakaian bagi Pelaburan

Perjanjian ini adalah terpakai bagi pelaburan yang dibuat bermula dari 1hb Januari 1988 dalam wilayah salah satu Pihak Pejanji mengikut perundangan atau kaedah-kaedah atau peraturan-peraturannya yang dibuat oleh pelabur-pelabur Pihak Pejanji yang satu lagi itu.

PERKARA 11

Mula Berkuatkuasa, Tempoh dan Penamatan

(1) Perjanjian ini hendaklah mula berkuatkuasa tiga puluh (30) hari selepas tarikh Kerajaan Pihak-Pihak Pejanji itu memberitahu satu sama lain bahawa kehendak-kehendak perlembagaan mereka bagi mula berkuatkuasanya Perjanjian ini telah dipenuhi.

(2) Perjanjian ini hendaklah terus berkuatkuasa selama tempoh sepuluh (10) tahun, dan hendaklah terus berkuatkuasa, melainkan jika ditamatkan mengikut perenggan (3) Perkara ini.

(3) Salah satu Pihak Pejanji boleh dengan memberikan satu (1) tahun notis secara bertulis kepada Pihak Pejanji yang satu lagi, menamatkan Perjanjian ini akhir tempoh permulaan sepuluh (10) tahun atau pada bila-bila masa selepas itu.

(4) Berkenaan dengan pelaburan yang dibuat atau yang diperolehi sebelum tarikh penamatan Perjanjian ini, peruntukan-peruntukan semua Perkara lain dalam Perjanjian ini hendaklah terus berkuatkuasa selama tempoh sepuluh (10) tahun dari tarikh penamatan itu.

PADA MENYAKSIKAN HAL DI ATAS, yang bertandatangan di bawah ini, yang diberikuasa dengan sewajarnya oleh Kerajaan mereka masing-masing, telah menandatangani Perjanjian ini.

Diperbuat dalam dua salinan di Kuala Lumpur, Malaysia pada 21 haribulan Januari 1992 dalam Bahasa Vietnam, Bahasa Malaysia dan Bahasa Inggeris, dan ketiga-tiga teks adalah sama sah. Jika terdapat perbezaan di antara teks-teks Perjanjian ini, teks Bahasa Inggeris hendaklah terpakai.

BAGI PIHAK
KERAJAAN REPUBLIK
SOSIALIS VIETNAM

.....

BAGI PIHAK
KERAJAAN MALAYSIA

.....